

UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 3917/SNN&PTNT-KHTC

V/v báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng trên địa bàn tỉnh thuộc chức năng, nhiệm vụ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.

Nhận được Văn bản số 6182/SKHĐT-TH ngày 01/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng trên địa bàn tỉnh; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đề cương báo cáo kèm theo Công văn số 6891/BKHĐT-QLKT/TW ngày 20/9/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng trên địa bàn tỉnh thuộc chức năng, nhiệm vụ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*có báo cáo kèm theo*).

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./.

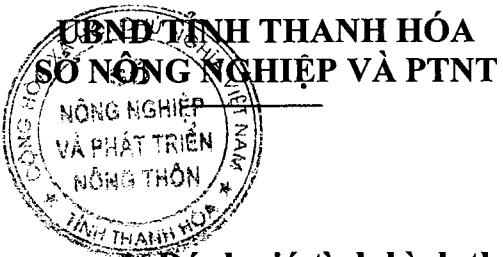
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Lê Đức Giang



BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng trên địa bàn tỉnh thuộc chức năng, nhiệm vụ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Kèm theo Công văn số 2917/SNN&PTNT-KHTC ngày 08/10/2019
của Sở Nông nghiệp và PTNT)

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ Kế hoạch hành động số 69/KH-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch số 29/KH-SNNPTNT ngày 05/06/2017 thực hiện Kế hoạch hành động số 69/KH-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; trên cơ sở đó, các phòng, đơn vị thuộc Sở xây dựng Kế hoạch, phân công cán bộ phụ trách đến công việc cụ thể và triển khai thực hiện, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

1.1. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp, đảm bảo phát huy lợi thế từng vùng, địa phương và tạo vùng nguyên liệu bền vững cho công nghiệp chế biến nông sản đáp ứng nhu cầu thị trường

Đã cơ bản hoàn chỉnh các đề án, quy hoạch làm cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp; khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển nông nghiệp, sản xuất hàng hóa quy mô lớn; tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng phương án Quy hoạch phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hệ thống các cảng cá, khu bảo tồn thiên nhiên, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045; phương án Quy hoạch phát triển Thủy lợi và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 để tích hợp vào quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.2. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp

a) Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất:

- Lĩnh vực trồng trọt: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ cây có hiệu quả thấp sang trồng cây có hiệu quả cao hơn; chuyển đổi linh hoạt 32.292,6 ha đất lúa, mía, lạc, sắn, năng suất thấp, kém hiệu quả sang các loại cây trồng hiệu quả cao hơn. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm lợi thế của tỉnh; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Phát triển các vùng nguyên liệu tập trung cho các nhà máy chế biến: Vùng nguyên liệu mía 22.500 ha; vùng nguyên liệu sắn 11.000 ha; vùng sản xuất hạt giống lúa lai F1 700 ha; vùng cao su 14.000 ha; vùng cỏ 3.300 ha;... Tập trung phát triển 07 sản phẩm có lợi thế, ước đến hết năm 2019: Lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao 132.000 ha; ngô thâm canh năng suất 16.000 ha; mía thâm canh 12.000 ha; rau an toàn 2.980 ha; cây ăn quả tập trung 5.092 ha; hoa, cây cảnh 575 ha; cây thức ăn chăn nuôi 11.000 ha.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Trong những năm qua, mặc dù bị ảnh hưởng do giá lợn thịt hơi giảm mạnh và thiệt hại do thiên tai (mưa lũ), dịch tả lợn Châu phi gây ra; nhưng phát triển chăn nuôi đã có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao (nhất là phát triển trang trại, đến nay đã có 1.130 trang trại chăn nuôi tập trung; nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn, bền vững. Chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm vật tư đầu vào (đàn giống, thức ăn, phụ gia bổ sung,...) và sản phẩm chăn nuôi được quản lý chặt chẽ hơn. Tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế, ước đến hết năm 2019: Đàn bò sữa 14.000 con, bò thịt chất lượng cao 40.000 con, lợn hướng nạc 420.000 con, gà lông màu 7,5 triệu con, con nuôi đặc sản 1.776 nghìn con.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Đã hoàn thành việc rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng theo hướng cơ bản ổn định diện tích rừng đặc dụng, tăng diện tích rừng sản xuất gắn với phát huy chức năng phòng hộ. Ước đến hết năm 2019, tổng diện tích rừng được bảo vệ đạt 598.573 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,4%. Hàng năm trồng trên 2 triệu cây phân tán, 10.000 ha rừng trồng tập trung trở lên. Tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế, ước đến hết năm 2019: Rừng gỗ lớn 50.500 ha, luồng thâm canh 29.000 ha, 1.000 ha quế, khai thác được liệu dưới tán rừng tự nhiên 94 nghìn ha để phục vụ cho chế biến và xuất khẩu.

- Lĩnh vực thủy sản: Đã coi trọng phát triển toàn diện cả khai thác và nuôi trồng thủy sản. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển ổn định; đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, có chứng nhận và truy xuất nguồn gốc, thực hiện Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP). Khai thác thủy sản chuyển dịch tích cực, chuyển từ khai thác ven bờ sang khai thác xa bờ, áp dụng kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để bảo quản, giảm tổn thất, nâng cao giá trị, chất lượng và hiệu quả khai thác. Tập trung phát triển 04 sản phẩm có lợi thế, ước đến hết năm 2019: Tôm chân trắng 350 ha; ngao 1.313 ha; cá rô phi 30 ha, khai thác thủy sản xa bờ 59.290 tấn.

- Về thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai: Tập trung nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thuỷ lợi, cấp nước sạch nông thôn. Tập trung nâng cấp, hiện đại hóa các công trình hiện có; điều chỉnh cơ cấu đầu tư, ưu tiên phát triển thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, thúc đẩy ứng dụng các giải pháp tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn; đầu tư công trình cấp nước sạch ở các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn. Đầu tư đảm bảo an toàn các hồ chứa, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ đê điều; kiên quyết xử lý các vi phạm còn tồn đọng; chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức độ bão tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đột phá về tổ chức sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất:

- Thực hiện việc sáp xếp, đổi mới các nông, lâm trường: Đã hoàn thành sáp xếp, đổi mới 03 công ty là: Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất; Công ty TNHH Một thành viên Yên Mỹ và Công ty TNHH Một thành viên Lam Sơn thành Công ty TNHH 2 thành viên. Đang trình thủ tướng chính phủ phê duyệt Phương án sáp xếp, đổi mới thành Công ty TNHH 2 thành viên đổi với 02 Công ty lâm nghiệp Cẩm Ngọc và lâm nghiệp Lang Chánh.

- Tạo điều kiện và đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; toàn tỉnh có 790 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, có 592/592 hợp tác xã (100% số HTX) đã chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Có 958 trang trại; 918 tổ hợp tác, trong đó có 354 tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của UBND cấp xã.

- Khuyến khích tập trung ruộng đất: Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh đang xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết; đến hết năm 2018, có 10.500 ha được tích tụ tại 25/27 huyện, có 51 doanh nghiệp, 11 hợp tác xã và 5.681 hộ gia đình cá nhân tham gia với nhiều hình thức khác nhau như: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để liên kết sản xuất; các đối tượng tham gia tích tụ tập trung ruộng đất gồm: 51 doanh nghiệp; 11 hợp tác xã; 5.861 hộ gia đình, cá nhân.

c) Xây dựng và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất hiệu quả cao:

- Trồng trọt: Tập trung chỉ đạo phát triển các chuỗi liên kết sản xuất trồng trọt, như: Liên kết sản xuất ký hợp đồng thu mua của các công ty mía đường (Lam Sơn, Nông Cống, Việt Nam - Đài Loan) với 18 huyện trên địa bàn tỉnh (tổng sản lượng khoảng 1,7 triệu tấn/năm); liên kết sản xuất, ký hợp đồng thu mua của các nhà máy chế biến tinh bột sắn Bá Thuróc, Như Xuân, Ngọc Lặc với tổng công suất gần 2.000 tấn/ngày; chuỗi liên kết sản xuất lúa theo phương pháp hữu cơ 280 ha tại các huyện Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Thọ Xuân; liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm trên 6.000 ha/năm cây thức ăn chăn nuôi và các loại rau màu thực phẩm (cây thức ăn chăn nuôi 1.200 ha, khoai tây 1.000 ha, ót 2.000 ha, ngô ngọt 500 ha,...).

- Chăn nuôi: Hình thành và ổn định các chuỗi giá trị trong chăn nuôi bò sữa của Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk), Công ty sữa TH true Milk, Công ty cổ phần nông sản Phú Gia, Công ty cổ phần thực phẩm Việt Hưng; các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm của Công ty TNHH Hiền Nhuần, Công ty TNHH Phúc Vinh, Công ty Anh Minh Giang; liên kết thu mua, giết mổ, chế biến lợn sữa xuất khẩu của Công ty TNHH Hoa Mai và Công ty chế biến súc sản Thanh Hóa; chuỗi liên kết gia công của Công ty CP, Dabaco, Japva, ...

- Lâm nghiệp: Hình thành liên kết giữa người trồng rừng và các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, giải phóng mặt bằng để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư chế biến theo chiều sâu (ván ghép thanh, ván MDF,...). Một số chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp hiệu quả, như: Công ty TNHH gỗ Xuân Sơn với nhóm hộ huyện Thạch Thành (1.458 hộ/1.715,27 ha rừng gỗ); Công ty Cổ phần Ngọc Sơn với nhóm hộ huyện Quan Sơn (545 hộ/3.045 ha rừng luồng, vầu); Công ty Cổ phần BWG Mai Châu với nhóm hộ huyện Quan Hóa (545 hộ/2.369,6 ha rừng luồng).

- Thủy sản: Đã thành lập 02 hợp tác xã và 10 tổ cộng đồng trong nuôi trồng thủy sản tại các huyện Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa và Quảng Xương. Tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình tổ đoàn kết đối với khai thác vùng biển khơi và mô hình đồng quản lý đối với vùng biển ven bờ; toàn tỉnh có 389 tổ đoàn kết trên biển với 1.975 tàu cá.

d) Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu nông sản:

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội xúc tiến thương mại nông sản; tham gia các hội chợ do các bộ, ngành Trung ương, các địa phương và các tổ chức, nước ngoài tổ chức; tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu và giới thiệu sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn. Thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo cơ hội để các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác,... gặp gỡ, trao đổi, ký kết hợp đồng hợp tác; đồng thời, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông sản thế mạnh của tỉnh, như: Bánh gai Tú Trụ, nem chua Thanh Hóa, bưởi Luận Văn, rượu Chi Nê,...

- Xây dựng thương hiệu nông sản: Đến nay, Thanh Hóa có 62 văn bằng bảo hộ thương hiệu cho các sản phẩm lĩnh vực nông nghiệp, làng nghề, trong đó bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho 4 sản phẩm gắn với địa danh địa phương (gồm: Mắm tôm Hậu Lộc, Cói Nga Sơn, Bưởi Luận Văn và Quế ngọc Thường Xuân); chứng nhận nhãn hiệu tập thể cho 16 sản phẩm địa phương (gồm: Nước mắm Do Xuyên - Ba Làng, Chè lam Phủ Quảng, Mắm tép Hà Yên, Tương Làng Ái, Rượu làng Quảng Xá, Bánh gai Tú Trụ, Nón lá Trường Giang, Tơ Hồng Đô, Nước mắm Khúc Phụ, Bánh lá răng bùa Thọ Xuân, Kẹo nhãn Lang Chánh, Khâu nhục Quan Hóa, Cam Vân Du, Bưởi Thanh Đường, Cam Xuân Thành, Vịt Cỏ Lũng); chứng nhận nhãn hiệu cho 42 sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

1.3. Thực đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ,...

- Trong trồng trọt: Đã nghiên cứu, chọn tạo thành công 08 giống lúa, 02 giống mía mới bổ sung vào cơ cấu giống lúa chủ lực, đã chủ động được nguồn giống và góp phần nâng cao chất lượng bộ giống lúa, giống mía của tỉnh; du nhập tuyển chọn được giống ngô, đậu, hoa, rau, cây ăn quả mới để bổ sung vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh; phục tráng các cây trồng tại địa phương (như lúa nếp hạt cau, bưởi Luận Văn, cam Vân Du); ứng dụng thành công công nghệ nuôi cây mô để nhân giống hoa đồng tiền, hoa lan; công nghệ nhà kính, nhà màng để sản xuất rau, quả an toàn,...

- Trong chăn nuôi: Ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo bằng tinh phân giới tính cho bò sữa, thụ tinh nhân tạo nâng cao tầm vóc đàn bò thịt, cây truyền phôi nâng cao khả năng chống bệnh cho bò, nhân nhanh giống tốt; sản xuất tinh trâu cọng rạ nâng cao tầm vóc đàn trâu; đưa các giống vật nuôi mới vào sản xuất; xây dựng các mô hình trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn, áp dụng hệ thống chuồng kín, nuôi sàn, điều hòa ẩm độ và nhiệt độ, xử lý chất thải và kiểm soát dịch bệnh theo hướng an toàn dịch bệnh;...

- Trong lâm nghiệp: Ứng dụng công nghệ nuôi cây mô thực vật, công nghệ mô, hom trong sản xuất giống cây lâm nghiệp, đã xây dựng được 15 nguồn giống, tuyển chọn cây mẹ, làm giống được 5.000 cây trội với 12 loài; ứng dụng các tiến bộ khoa học để theo dõi, cập nhật, quản lý dữ liệu ngành lâm nghiệp; nhiều mô hình nông lâm kết hợp, mô hình trang trại rừng, mô hình trồng rừng gỗ lớn, có năng suất cao đã được tổng kết, đánh giá nhân ra diện rộng;...

- Trong thủy sản: Nhân giống và đưa vào sản xuất một số loài thuỷ sản có giá trị kinh tế cao, như: tôm sú, cá rô phi đơn tính, cua xanh, ngao Bến Tre, cá lăng chấm, cá dốc, cá bống bớp, hàu Thái Bình Dương, con phi...; xây dựng các mô hình nuôi trồng, khai thác thủy sản mới (nuôi tôm hùm, cá giò ở khu vực biển Hòn Mê; mô hình nuôi luân canh, xen lách vụ thích ứng với biến đổi khí hậu ở Hoằng Hóa...; mô hình dịch vụ hậu cần cho khai thác hải sản xa bờ); sử dụng máy dò ngang Sonar vào các tàu cá làm nghề lưới vây rút chì, lưới kéo đôi; sử dụng vật liệu bợt xốp polyuethane lên hầm bảo quản sản phẩm khai thác hải sản thay thế xốp trắng,...

- Trong cơ giới hóa, thủy lợi hóa nông nghiệp: Trong trồng trọt, tỷ lệ cơ giới hóa khai làm đất đạt 94,5%; gieo trồng 13%; thu hoạch 70%; vận chuyển 95%. Trong chăn nuôi, đã áp dụng 100% máy vắt sữa bò. Trong lâm nghiệp, từng bước cơ giới hóa các khai làm đất, khai hoang, chế biến lâm sản. Trong thủy sản, đẩy mạnh cơ giới hóa trong nuôi thảm canh. Hệ thống công trình thủy lợi đã chủ động tưới, tiêu cấp nước đảm bảo phục vụ công tác gieo trồng, trong đó một số diện tích mía, cây ăn quả áp dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm (tưới phun, tưới nhỏ giọt...).

1.4. Đẩy mạnh đột phá về chất lượng sản phẩm, đặc biệt là quản lý chất cấm trong nông nghiệp

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật được đẩy mạnh; đặc biệt là trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm; từ năm 2016 đến nay, thực hiện 113 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân; phát hiện và xử lý 181 tổ chức, cá nhân có sai phạm. Qua thanh tra và kiểm tra chuyên ngành đã nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đến nay, toàn tỉnh có 97 vùng sản xuất rau quả theo quy trình sản xuất nông nghiệp VietGAP với diện tích 485,1 ha; 130 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thuỷ sản được chứng nhận đủ điều kiện ATTP, trong đó có 47 cơ sở đã được hỗ trợ chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động (18 cơ sở được chứng nhận VietGap, 16 cơ sở được chứng nhận GMP/SSOP, 11 cơ sở được chứng nhận HACCP, 02 cơ sở được chứng nhận ISO 22000); có 33 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn được Bộ Nông nghiệp và PTNT xác nhận.

1.5. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, và xây dựng nông thôn mới

a) Thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đã được ban hành:

- Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 để tạo sự đột phá trong nông nghiệp, gồm: Cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi; cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới; cơ chế hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới,...

- Tiếp tục triển khai thực các cơ chế, chính sách của Trung ương đã ban hành về phát triển nông nghiệp, nông thôn, như: Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013, nay là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 (ngân sách tỉnh hỗ trợ 3,95 tỷ đồng); chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 ; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014,...

- Trong quá trình triển khai thực hiện, các ngành, địa phương, đơn vị thường xuyên khảo sát thực tế để nắm bắt vướng mắc, khó khăn và bất cập của các chính sách. Đã kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung đối với các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo

Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013; chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 để phù hợp với thực tế và hiệu quả hơn. Rà soát, sửa đổi các cơ chế, chính sách tái cơ cấu trong nông nghiệp và đề xuất cơ chế, chính sách tích tụ ruộng đất. Tham mưu bãi bỏ một số nội dung hỗ trợ của cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

Nhìn chung, các cơ chế, chính sách được các địa phương, doanh nghiệp và người dân đồng tình ủng hộ; triển khai thực hiện tích cực, có hiệu quả; góp phần tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu giống, chủ động được nguồn giống tốt; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển các sản phẩm lợi thế của tỉnh; khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ giới hóa; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, an toàn thực phẩm. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư của ngân sách Nhà nước, đã huy động được các nguồn vốn khác để phát triển các sản phẩm nông nghiệp lợi thế; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn...

b) Tăng cường thu hút đầu tư, ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho nông nghiệp và thu hút các nguồn lực khác đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

- Tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để vận động, thu hút các nguồn vốn ODA, vốn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ. Mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính lớn như WB, ADB, KEXIMBANK, JICA,... nhằm thu hút vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thu hút các nguồn lực khác trong nhân dân, các doanh nghiệp để phát triển sản xuất nông nghiệp. Mở rộng các hình thức hợp tác công tư (PPP) trong phát triển sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng, như: Dự án nạo vét thanh thải đá ngầm tại luồng ra vào cảng cá Lạch Bạng, đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn ở các huyện Yên Định, Thiệu Hóa, Quảng Xương,...; tăng cường huy động các nguồn vốn ưu đãi đầu tư phát triển các sản phẩm nông nghiệp lợi thế; kết hợp giữa huy động nguồn vốn đầu tư của Nhà nước với đóng góp của các tổ chức, cá nhân và nhân dân để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất; các sản phẩm nông nghiệp lợi thế, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp.

- Các nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn được sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích,... phát huy hiệu quả đầu tư; quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Về thủy lợi: Đã nâng cấp được 63 hồ chứa nước, 52 đập dâng, 27 trạm bơm tưới tiêu các loại và kiên cố được 436 km kênh mương; hiện đang triển khai thi công 27 hồ chứa nước, 23 đập dâng và 8 trạm bơm tưới, tiêu các loại. Về đê điều: Đã tu bổ, nâng cấp được 28,98 km đê; 3,21 km kè; 12 công qua đê và đang tu bổ, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu thuộc hệ thống đê sông Mã, 1 số tuyến đê sông con và đê biển. Về thủy sản: Nâng cấp hạ tầng vùng

nuôi tôm công nghiệp tập trung tỉnh Thanh Hóa; xây dựng Khu neo đậu và tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa Sông Lý, huyện Quảng Xương; xử lý khẩn cấp nạo vét Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề các Lạch Hới, thành phố Sầm Sơn; nâng cấp Trạm Kiểm soát nghề cá Hòa Lộc, Cảng cá Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hóa, Cảng cá Hải Châu, huyện Tĩnh Gia;... Về lâm nghiệp: Đầu tư 133,3 km đường ranh cản lửa, 12 km đường tuần tra, kiểm tra rừng, tu sửa 8 trạm Bảo vệ rừng, lắp đặt 07 trạm khí tượng quan trắc tự động cập nhật số liệu thời tiết phục vụ công tác PCCCR.

c) Đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới:

- Thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: Tổ chức 138 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho 4.802 lao động nông thôn; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng NTM cho 3.250 cán bộ xây dựng NTM từ tỉnh đến thôn, bản; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng cho 780 cán bộ quản lý HTX (Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị HTX, Kế toán trưởng và Trưởng Ban kiểm soát và thành viên HTX); tổ chức tổng kết các mô hình thực tiễn về kinh tế hợp tác, hợp tác xã để phổ biến, nhân rộng thông qua các chương trình bồi dưỡng, tập huấn phù hợp.

- Thực hiện công tác đào tạo tập huấn để nâng cao trình độ cán bộ khuyến nông thôn, bản; thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến nông Trung ương và địa phương; xây dựng mạng lưới khuyến nông tham gia trực tiếp vào chuyên giao khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật.

d) Đổi mới các hình thức chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:

- Từng bước thay đổi phương pháp chỉ đạo, từ chỉ đạo điểm sang vừa chỉ đạo điểm, vừa chỉ đạo theo diện rộng, vừa tập trung chỉ đạo xây dựng NTM trên địa bàn cấp xã, vừa quan tâm đẩy mạnh xây dựng NTM ở cấp thôn, bản, nhất là khu vực miền núi đặc biệt khó khăn tạo nhiều điểm sáng để học tập nhau ra diện rộng. Phân công đồng chí Bí thư cấp ủy làm trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng NTM; gắn sâu vai trò thuộc các ngành phụ trách tiêu chí và trách nhiệm của người đứng đầu địa phương về kết quả xây dựng NTM.

- Đổi mới phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng ưu tiên hỗ trợ phát triển các HTX, tổ liên kết, giảm dần hỗ trợ nhỏ lẻ theo quy mô hộ gia đình.

1.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông sản, thủy sản đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; nâng cao năng lực cho các tổ chức dịch vụ công.

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo phù hợp với quy định của các Luật mới có hiệu lực như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp,...; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính; triển khai đồng bộ, hiệu quả cơ

chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2008 vào các hoạt động của cơ quan.

- Nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở bình xét thi đua, khen thưởng, xử lý kỷ luật, sử dụng và bổ nhiệm cán bộ, công chức.

III. KẾT QUẢ CƠ CẤU LẠI KHU VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ CHUYÊN DỊCH ĐẤT ĐAI TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Thực trạng cơ cấu lại khu vực nông nghiệp

1.1. Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã có Công ty TNHH một thành viên bò sữa Thống nhất Thanh Hóa được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/7/2019; bên cạnh đó các doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã quan tâm đến đổi mới công nghệ, từng bước ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, điển hình như:

- Công ty CP mía đường Lam Sơn: Đã đầu tư xây dựng và đã khánh thành Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn; hàng năm sản xuất từ 2,5- 3,0 triệu cây giống mía invitro, 30 nghìn cây hoa lan hồ điệp, 50 nghìn các loại hoa khác, 50 ha nhà lưới sản xuất rau, hoa quả theo công nghệ Isarel cho tổng sản lượng gần 2000 tấn rau quả đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn GAP; đầu tư sản xuất 200 ha cây ăn quả (cam) theo hình thức điều khiển dinh dưỡng tự động; góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty và thu nhập của nhân dân trong vùng.

- Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Tiên Nông: Là doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực dinh dưỡng cây trồng, hiện Công ty đã và đang tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu, ứng dụng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng phân bón, góp phần tạo ra sản phẩm phân bón chất lượng tốt, chuyên dùng, nâng cao hiệu suất sử dụng của cây trồng, bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Công ty đang tiếp tục là đơn vị tiên phong trong các lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến lúa gạo hàng hóa theo chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Công ty CP nông sản Phú Gia: Đầu tư xây dựng trại gà giống Xuân Phú, huyện Thọ Xuân; áp dụng hệ thống chuồng kín, tự động ăn, uống, tự động tăng giảm nhiệt, cơ giới hóa trong thả gà con, thu dọn phân, xử lý chuồng trại và môi trường, kiểm soát dịch bệnh định kỳ thông qua phòng phân tích sinh hóa tại Công ty. Hiện nay, Công ty CP nông sản Phú Gia đang triển khai phương án liên kết chăn nuôi gà phục vụ chế biến, xuất khẩu theo mô hình chuỗi công nghệ cao với các doanh nghiệp, trang trại trên địa bàn tỉnh.

1.2. Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa đã có bước phát triển khá toàn diện, từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của tỉnh; nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản được ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, đáp ứng tốt hơn yêu cầu thị trường. Các kết quả nổi bật về phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh đã góp phần quan trọng tạo ra sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, khẳng định chủ trương đúng đắn trong việc đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; kết quả cụ thể như sau:

- Lĩnh vực trồng trọt: Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, như: Sản xuất giống lúa lai F1 với diện tích sản xuất hàng năm đạt 700 ha (tại các huyện: Yên Định, Thiệu Hóa, Hoằng Hóa,...); sản xuất lúa theo phương pháp hữu cơ, hàm lượng các bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính với diện tích 200 ha tại huyện Thiệu Hóa; sản xuất ngô giống F1 theo hình thức cánh đồng mẫu lớn, diện tích sản xuất hàng năm 250- 300 ha (tại các huyện: Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Thọ Xuân, Yên Định, Vĩnh Lộc, Nga Sơn,...); sản xuất mía ứng dụng công nghệ cao 500 ha (tại các huyện: Thọ Xuân, Triệu Sơn, Ngọc Lặc,...); vùng sản xuất rau, hoa, cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao trong nhà có mái che, diện tích trên 285 ha (tại các huyện: Thọ Xuân, Hoằng Hóa, TP. Thanh Hóa, Đông Sơn, Như Xuân, Thạch Thành,...).

- Lĩnh vực chăn nuôi: Xây dựng các mô hình trang trại chăn nuôi tập trung với quy mô lớn, áp dụng hệ thống chuồng kín, nuôi sàn, điều hòa ẩm độ và nhiệt độ, xử lý chất thải và kiểm soát dịch bệnh mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất; công ty Sữa Vinamilk đã áp dụng công nghệ vắt sữa đạt 100%, kiểm soát, bảo quản chất lượng sữa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; sử dụng hệ thống chíp điện tử để theo dõi sức khỏe và phát hiện bệnh trong chăn nuôi bò, như: Mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đang được đầu tư: Công ty TNHH bò sữa Thông nhất Thanh Hóa đầu tư dự án phát triển Trung tâm các trang trại bò sữa quy mô 16 nghìn con và 2.000 con bò sữa Organic tại huyện Yên Định; trang trại chăn nuôi bò sữa tại huyện Thọ Xuân, Như Thanh quy mô 2.000 con,...

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Xây dựng mô hình thảm canh, phục tráng rừng luồng ở các huyện Quan Hoá, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Bá Thước, Thường Xuân trong những năm qua đã đưa năng suất cây luồng từ 2.100 cây/ha lên 3.300 cây/ha, chất lượng rừng được nâng cao, làm cơ sở đầu tư cho các vùng luồng thảm canh tập trung. Nhiều mô hình nông lâm kết hợp, mô hình trang trại rừng, mô hình trồng rừng gỗ lớn, trồng luồng thảm canh có năng suất cao, phục tráng rừng luồng đã được tổng kết, đánh giá nhân ra diện rộng.

- Lĩnh vực thủy sản: Xây dựng các mô hình nuôi trồng, khai thác thủy sản mới, như: Nuôi tôm hùm, cá giò ở khu vực biển Hòn Mê; mô hình sản xuất tôm

chân trăng thâm canh hiện đại, đầu tư hệ thống ao nuôi tạo thành vùng sản xuất hàng hoá lớn, ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế cao, với diện tích khoảng 500 ha tại các huyện ven biển: Tĩnh Gia, Quảng Xương, Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn.

1.3. Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thanh Hóa được quy hoạch tại xã Xuân Sơn, Xuân Thắng huyện Thọ Xuân với diện tích 200 ha và là một trong 20 Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015. UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thanh Hóa đến năm 2020 tại Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 với tổng diện tích quy hoạch 1.000 ha, trong đó khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là 485,4 ha, gồm: Vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao 161,45 ha; vùng sản xuất hoa cây cảnh ứng dụng công nghệ cao 42,02 ha; vùng sản xuất mía đường 127,66 ha ứng dụng công nghệ cao; vùng sản xuất cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao 103,07 ha; khu chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao 51,2 ha và giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành triển khai thực hiện Quy hoạch.

1.4. Thực trạng đất nông nghiệp bị bỏ hoang

Theo báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố trong năm 2019, toàn tỉnh có 5.030 ha đất nông nghiệp không gieo trồng; trong đó: Vụ Đông Xuân 710 ha (đất lúa 622,4 ha, đất màu 88 ha); vụ Thu Mùa 4.320 ha (đất lúa 4.097 ha, đất màu 222,8 ha). Nguyên nhân: Do diện tích sâu trũng thường hay bị ngập lụt vào vụ mùa nên dân không canh tác; đất nông nghiệp được quy hoạch thực hiện các dự án; diện tích các hộ nhỏ lẻ người dân chỉ làm 1 vụ lèo thóc ăn nên còn 1 vụ không canh tác.

1.5. Chuyển dịch đất đai trong sản xuất nông nghiệp

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ cây có hiệu quả thấp sang trồng cây có hiệu quả cao hơn; đến nay đã chuyển đổi linh hoạt được 32.292,6 ha đất lúa, mía, lạc, sắn, năng suất thấp, kém hiệu quả sang các loại cây trồng hiệu quả cao hơn (22.037,6 ha lúa, 5.188 ha mía, 3.752 ha sắn, 2.315 ha lạc).

2. Những khó khăn, hạn chế

2.1. Khó khăn, hạn chế trong phát triển doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao

- Phần lớn doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu có quy mô nhỏ, vốn ít, năng lực cạnh tranh thấp. Bởi vậy, doanh nghiệp chưa tạo được nguồn sản phẩm hàng hóa tập trung, quy mô lớn do chưa trang bị đầy đủ các điều kiện cần thiết như: Vốn, thị trường, công nghệ,... Thêm nữa là ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp đòi hỏi cần có lực lượng cán bộ kỹ thuật có trình độ phù hợp. Tuy nhiên đến nay, nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng được đội ngũ này.

- Hiện nay, diện tích đất dành cho nông nghiệp thường nhỏ lẻ và phân tán, việc tích tụ đất đai gấp khó khăn. Vì vậy, việc mở rộng quy mô diện tích để triển khai áp dụng nông nghiệp công nghệ cao theo hướng hiện đại hóa, cơ giới hóa cũng còn nhiều trở ngại; một số doanh nghiệp có tiềm lực tài chính, nhân sự, công nghệ muốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thì lại không có quỹ đất sạch để bố trí triển khai.

- Do điều kiện ngân sách còn hạn chế nên việc đầu tư nguồn lực xây dựng hạ tầng cơ sở, các chính sách ưu đãi đột phá để thu hút các nhà đầu tư cũng chưa thực sự hấp dẫn. Hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, quảng bá hàng nông, lâm, thủy sản cũng còn chưa cao.

2.2. Khó khăn, hạn chế trong chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp

- Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ là điểm nghẽn trong phát triển sản xuất; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn; sản phẩm hầu như chưa có thương hiệu, thị trường tiêu thụ nông sản bấp bênh; hợp tác xã đang gượng ép, chưa phát huy vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với hộ nông dân.

- Công tác chuyển đổi đất lúa, mía năng suất thấp, kém hiệu quả sang các loại cây trồng hiệu quả cao hơn chưa thực sự bền vững; trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn còn ít; bệnh dịch tả lợn Châu phi xâm nhập, lây lan nhanh; nâng cao giá trị rủi ro thông qua chế biến chưa nhiều; cá nuôi trồng và khai thác thủy sản vẫn còn những vấn đề cần tháo gỡ (ngao chết, tai nạn tàu cá,...);...

- Số lượng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn nhiều nhưng chủ yếu ở quy mô nhỏ, hiệu quả đạt được chưa cao; mối liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm trong chuỗi chưa chặt chẽ, chưa có nhiều chuỗi quy mô, sản lượng lớn; ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn còn diễn ra ở một số địa phương do tình trạng lạm dụng phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ, chất kích thích sinh trưởng và chất thải của các vùng chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản; sản xuất, chế biến lâm sản khu vực đầu nguồn còn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn vẫn còn thấp so với yêu cầu, đặc biệt là đầu tư của các doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn; tham gia hội nhập kinh tế quốc tế của nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa chưa nhiều.

3. Khuyến nghị giải pháp đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất trong thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp đến các cấp, ngành, địa phương và người dân trên địa bàn tỉnh về xây dựng nền sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; tăng cường vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp.

- Rà soát, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung đối với những chính sách của tỉnh ban hành, kiến nghị với Chính phủ và các bộ, ngành Trung

ương sửa đổi, bổ sung đối với chính sách của Trung ương ban hành phù hợp với thực tế và hiệu quả hơn; tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo điều kiện để nông dân và doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi hơn về đất đai, nguồn vốn và thị trường để mở rộng sản xuất hàng hóa có khả năng cạnh tranh cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; trong đó, tập trung phát triển các sản phẩm lợi thế của tỉnh.

- Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, trọng tâm là phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn, nông nghiệp tinh hoa; đẩy mạnh sản xuất sản phẩm nông sản an toàn có xác nhận, nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo vệ sức khỏe, quyền lợi của người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường đầu tư, ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho phát triển nông nghiệp và thu hút các nguồn lực khác đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; nhất là nguồn lực của các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp đạt hiệu quả; cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành, đảm bảo sự chỉ đạo, hiệu lực và hiệu quả/.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT